



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ

TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

04(78) 2022

ISSN 1859-2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Hoàng Hồng Hiệp

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng
Ủy viên Bộ Chính trị
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền
Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

TS. Hoàng Hồng Hiệp
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính
Viện Nghiên cứu Văn hóa

GS.TS. Eric Iksoon Im
University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Bằng Tâm
University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuấn
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

BIÊN TẬP TRỊ SỰ

ThS. Châu Ngọc Hòe
CN. Lưu Thị Diệu Hiền

C V R S S

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 2 tháng 1 kỳ

Số 04 năm 2022

Năm thứ mười lăm

Mục lục

Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa vùng kinh tế trọng điểm miền Trung <i>Hoàng Hồng Hiệp, Châu Ngọc Hòe, Nguyễn Thị Thoa, Nguyễn Ngọc Tuấn</i>	3
Vai trò của ngành dịch vụ logistics đối với phát triển kinh tế ở vùng kinh tế trọng điểm miền Trung <i>Phan Thị Sông Thương, Hồ Thị Kim Thùy, Đỗ Thu Trang</i>	14
Tác động của đại dịch Covid-19 đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, Việt Nam <i>Lương Tình, Nguyễn Hữu Nguyên Xuân, Nguyễn Thanh Tuấn, Nguyễn Hoàng Hiến</i>	26
Các yếu tố ảnh hưởng đến liên kết phát triển kinh tế vùng – Trường hợp vùng Nam Trung Bộ <i>Nguyễn Quốc Toàn, Cung Thị Tuyết Mai, Võ Thanh Tuấn</i>	34
Nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập ngư dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng <i>Châu Ngọc Hòe, Nguyễn Hoàng Yến</i>	46
Tiềm năng phát triển du lịch nông nghiệp trên địa bàn huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định <i>Hoàng Thị Hoài Hương, Nguyễn Thị Thu Thủy</i>	53
Đấu tranh phản bác hoạt động lợi dụng vấn đề chủ quyền biển, đảo để chống phá Đảng, Nhà nước <i>Lê Nhị Hòa</i>	63
Bước đầu tìm hiểu tình hình công nghiệp Đà Nẵng thời Pháp thuộc (1888 - 1945) <i>Dương Thanh Mừng</i>	70
Nghề làm gốm của người Chăm ở làng Bàu Trúc, tỉnh Ninh Thuận <i>Bá Minh Truyền</i>	79

Giấy phép xuất bản số 104/GP – BTTTT cấp ngày 22 tháng 4 năm 2013

Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ; In 250 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 04 năm 2022

In tại Công ty TNHH MTV In Tổng hợp Đà Nẵng

Số 2, Lý Thường Kiệt - P. Thạch Thang - Q. Hải Châu - TP. Đà Nẵng * ĐT: 0236.3821038; Nộp lưu chiều tháng 08/2022

Contents

Small and medium enterprises development in the Central key economic region of Viet Nam <i>Hoang Hong Hiep, Chau Ngoc Hoe, Nguyen Thi Thoa, Nguyen Ngoc Tuan</i>	3
Roles of logistics in economic development in the Central key economic zone <i>Phan Thi Song Thuong, Ho Thi Kim Thuy, Do Thu Trang</i>	14
Impact of the Covid-19 pandemic on business activities of enterprises in the Central key economic region of Viet Nam <i>Luong Tinh, Nguyen Huu Nguyen Xuan, Nguyen Thanh Tuan, Nguyen Hoang Hien</i>	26
Determinants of regional economic linkage in the South Central Region of Viet Nam <i>Nguyen Quoc Toan, Cung Thi Tuyet Mai, Vo Thanh Tuan</i>	34
Determinants of fishermen's income in Son Tra district, Da Nang city <i>Chau Ngoc Hoe, Nguyen Hoang Yen</i>	46
Potential for agri-tourism development in Phu My district, Binh Dinh province <i>Hoang Thi Hoai Huong, Nguyen Thi Thu Thuy</i>	53
The struggle to counter with anti-State activities by taking advantage of the sovereignty over sea and islands <i>Le Nhi Hoa</i>	63
An initial study of the industrial situation in Da Nang under the French colonial period (1888 - 1945) <i>Duong Thanh Mung</i>	70
Pottery craft of the Cham people in Bau Truc village, Ninh Thuan province in their livelihood development <i>Ba Minh Truyen</i>	79

Nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập ngư dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng

Châu Ngọc Hòe

Nguyễn Hoàng Yến

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

Email liên hệ: chaungochoe01@gmail.com

Tóm tắt: Sử dụng các mô hình kinh tế lượng, bài báo phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập hộ gia đình ngư dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ 120 hộ gia đình ngư dân tại 04 phường Nại Hiên Đông, Thọ Quang, Mân Thái, An Hải Bắc. Kết quả ước lượng chỉ ra rằng, các nhân tố số lao động của hộ, số lao động ngư nghiệp, số phương tiện sở hữu, công suất phương tiện, sản lượng khai thác, công nghệ khai thác, chính sách có ảnh hưởng ý nghĩa lên thu nhập của hộ gia đình ngư dân quận Sơn Trà. Ngược lại, các nhân tố thuộc về năng lực ngư dân, kinh nghiệm, lòng yêu nghề, phương tiện hoạt động đa nghề và nguồn lợi thủy sản không có ảnh hưởng ý nghĩa lên thu nhập của hộ gia đình. Kết quả nghiên cứu này cho phép chúng tôi gợi mở một số hàm ý chính sách nâng cao thu nhập hộ gia đình ngư dân quận Sơn Trà trong thời gian đến. Trong đó, trọng tâm nhất là tập trung nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật và chất lượng phương tiện khai thác của ngư dân.

Từ khóa: Kinh tế lượng, ngư dân, nhân tố ảnh hưởng, Sơn Trà, Đà Nẵng

Determinants of fishermen's income in Son Tra district, Da Nang city

Abstract: Using an econometric model, the article analyzes determinants of fishing households' income in Son Tra district, Da Nang city. Research data was collected from 120 fishing households in 04 wards namely Nai Hien Dong, Tho Quang, Man Thai, An Hai Bac. The estimated results show that the following factors have a significant influence on fishing households' income in Son Tra district: Number of laborers and fishermen in a household, number of means of fishing (boats) that a household owns, capacity of boats, fishing output, fishing technology, and related policies. In contrast, the determinants of fishermen's capacity, experience, love of the profession, means of multi-vocational activities and aquatic resources do not have a remarkable effect on households' income. The results help the authors suggest policy implications for raising fishing households' incomes in Son Tra district in the coming time, focusing on improving their technology skills, techniques and quality of fishing means.

Keywords: Econometrics, fishermen, determinants, Son Tra district, Da Nang city.

Ngày nhận bài: 10/7/2022

Ngày duyệt đăng: 10/8/2022

1. Đặt vấn đề

Quận Sơn Trà là địa phương chủ lực phát triển ngành thủy sản của thành phố Đà Nẵng. Tính đến năm 2021, sản lượng thủy sản của quận Sơn Trà đạt hơn 23 nghìn tấn, tăng 200 tấn so với năm 2015, chiếm 64,64% tổng sản lượng thủy sản toàn thành phố Đà Nẵng (Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng, 2021). Đặc biệt, quận Sơn Trà có cảng cá Thọ Quang, là cảng cá

lớn nhất miền Trung và đồng thời có một chợ đầu mối cung cấp hải sản hàng đầu Đà Nẵng. Thành phố Đà Nẵng cũng đã triển khai thực hiện nhiều chính sách nhằm hỗ trợ tốt nhất cho ngư dân vươn khơi, bám biển như chính sách hỗ trợ đóng mới, cải hoán tàu thuyền; hỗ trợ máy móc thiết bị; hỗ trợ bảo hiểm; hỗ trợ xăng dầu;... Tuy vậy, trong thời gian qua nguồn lợi thủy sản suy giảm, chi phí khai thác ngày càng tăng, nhiều phương tiện khai thác hoạt động cho hiệu quả thấp phải nằm bờ, ngư trường bị thu hẹp, ... Chính điều này đã ảnh hưởng đến thu nhập, sinh kế và đời sống của cộng đồng ngư dân. Trên cơ sở dữ liệu điều tra sơ cấp thông qua khảo sát 120 hộ gia đình ngư dân thực hiện tại 04 phường Thọ Quang, Nại Hiên Đông, An Hải Bắc, Mân Thái tại thời điểm 6/2022, bài báo tập trung phân tích, lượng hóa các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình ngư dân, từ đó chúng tôi gợi mở một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện sinh kế cho cộng đồng ngư dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

2. Khung lý thuyết

Thu nhập hộ gia đình là tổng các khoản thu bằng tiền hoặc hiện vật do lao động của các thành viên trong gia đình tạo ra bao gồm: tiền công, tiền lương, từ sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ, thu nhập tài chính và các nguồn thu nhập khác. Đối với hộ gia đình ngư dân thì hoạt động ngư nghiệp là nguồn cấu thành quan trọng cho thu nhập của hộ gia đình. Với đặc trưng của quận Sơn Trà thì thu nhập của hộ gia đình ngư dân từ hoạt động ngư nghiệp chủ yếu là từ hoạt động khai thác thủy sản. Như vậy, thu nhập hộ gia đình ngư dân chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố khác nhau từ đặc điểm nhân khẩu học, từ đặc trưng nghề nghiệp, từ cơ chế chính sách, hạ tầng, ... Các yếu tố của đặc điểm nhân khẩu học như trình độ học vấn, số nhân khẩu, số lao động, số phụ thuộc, kinh nghiệm của ngư dân... có thể ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình ngư dân. Các nghiên cứu của Hoàng Hồng Hiệp và cộng sự (2016, 2022), Châu Ngọc Hòe và cộng sự (2017, 2018, 2019), Olale và Henson (2012, 2013), Sujithkumar (2008), cũng đã tìm thấy những ảnh hưởng nhất định của nhân khẩu học đối với thu nhập của hộ gia đình ngư dân. Đặc trưng nghề ngư là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình ngư dân quận Sơn Trà. Do đặc trưng của nghề ngư quận Sơn Trà chủ yếu là khai thác thủy sản, do vậy sẽ ảnh hưởng rất lớn đến thu nhập của hộ gia đình. Các đặc trưng quan trọng của nghề ngư nghiệp như phương tiện, công nghệ sản xuất, năng lực ngư nghiệp của ngư dân, ngư trường, ... có thể ảnh hưởng rất lớn đến thu nhập của hộ gia đình. Thực tiễn nghiên cứu của Hoàng Hồng Hiệp và cộng sự (2022), Jabri và cộng sự (2013) cũng đã tìm thấy những ảnh hưởng nhất định của đặc trưng nghề ngư nghiệp đến thu nhập của hộ gia đình ngư dân. Hoàng Hồng Hiệp và cộng sự (2022) đã tìm thấy vai trò của ngư trường, chủ tàu, kinh nghiệm ngư nghiệp, công suất, công nghệ khai thác, ... đối với thu nhập của hộ gia đình ngư dân khai thác xa bờ ở Bắc Trung Bộ. Cơ chế chính sách phát triển ngư nghiệp, kinh tế xã hội cũng có thể có những ảnh hưởng nhất định đến thu nhập của hộ gia đình ngư dân. Nghiên cứu của Hoàng Hồng Hiệp (2016) cũng đã chỉ ra vai trò của cán bộ khuyến ngư và chính sách khuyến ngư đối với thu nhập của hộ gia đình. Ngoài ra, các yếu tố cơ sở hạ tầng, địa bàn cư trú có thể sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình ngư dân. Tuy nhiên, nghiên cứu này được thực hiện ở một quận đô thị và có các điều kiện khá tương đồng giữa các phường nên yếu tố này không phân tích trong mô hình nghiên cứu.

3. Mô hình nghiên cứu, mô tả và đo lường các biến

Trên cơ sở khung lý thuyết phân tích ở các nghiên cứu của Olale và Henson (2012, 2013), Garoma và các cộng sự (2013), Al Jabri và các cộng sự (2013), Hoàng Hồng Hiệp (2016, 2022) và thực tiễn tại địa bàn quận Sơn Trà, chúng tôi đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập, đời sống của các hộ ngư dân như sau:

$$Y_i = \alpha_0 + \beta_1 X_{1i} + \beta_2 X_{2i} + \beta_3 X_{3i} + \beta_4 X_{4i} + \varepsilon_i \quad (1)$$

Trong đó: Y_i : Thu nhập của hộ gia đình ngư dân

X_{1i} : Đặc điểm nhân khẩu học

X_{2i} : Đặc trưng nghề ngư nghiệp

X_{3i} : Chính sách

ε_i : Phần dư của mô hình

Bảng 1: Đo lường và mô tả các biến số của mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập hộ gia đình ngư dân

Biến	Ký hiệu biến	Diễn giải	Thang đo	Kỳ vọng
Biến phụ thuộc	LnTongTN	Log (Tổng thu nhập)	Triệu đồng/năm	
	LnTNKT	Log (Thu nhập từ khai thác thủy sản không cộng hỗ trợ đầu)	Triệu đồng/năm	
Đặc điểm nhân khẩu học	LnTuoi	Log (Độ tuổi của ngư dân)	Số tuổi	+/-
	LnHV	Log (Trình độ học vấn của ngư dân)	Số năm đi học	+/-
	LnNK	Log (Số nhân khẩu của hộ gia đình)	Người	+/-
	SoLDh	Số lao động của hộ gia đình	Người	
	SLDTS	Số lao động hoạt động ngư nghiệp	Người	+/-
Đặc trưng nghề ngư nghiệp	LogCS	Log (Công suất phương tiện khai thác)	CV	+/-
	Sotau	Số tàu mà hộ gia đình sở hữu	Tàu	+
	LogDai	Log (Chiều dài của phương tiện khai thác)	Mét	+/-
	Xabo	Ngư trường khai thác xa bờ	1: Xa bờ; 0: Không	+
	LogKN	Log (kinh nghiệm của thuyền trưởng)	Năm	+/-
	Ldong	Số lao động làm việc trên tàu	Người	+/-
	Ngay	Số ngày đi biển trong 1 chuyến của phương tiện	Ngày	+/-
	LnChuyen	Số chuyến đi biển trong 1 năm	Chuyến	+/-
	Sluong	Sản lượng khai thác trung bình của hộ gia đình	Tấn	+
	Danghe	Có hoạt động kinh tế phi ngư nghiệp	1: Có; 0: Không	+
	Ynghe	Lòng yêu nghề của ngư dân	Likert (5 bậc)	+/-
	CangTQ	Nơi tiêu thụ sản phẩm sau khi khai thác	1: Cảng Thọ Quảng; 0: Không	+
	Cnghe	Trình độ công nghệ khai thác	Likert (5 bậc)	+
Chính sách	Vaitro	Vai trò của cán bộ, cơ quan địa phương	Likert (5 bậc)	+
	DVHC	Chất lượng dịch vụ hậu cần địa phương	Likert (5 bậc)	+
	CSPT	Chính sách phát triển ngư nghiệp của địa phương	Likert (5 bậc)	+
Nguồn lợi	NL	Nguồn lợi thủy sản	Likert (5 bậc)	+

3. Phương pháp và kết quả nghiên cứu

Trước tiên, chúng tôi thực hiện kiểm định khuếch đại phương sai (VIF) và kiểm định Durbin Watson, kết quả cho thấy mô hình có hiện tượng đa cộng tuyến và tự tương quan. Điều này cho phép chúng tôi loại bỏ các biến số chiều dài phương tiện khai thác (LnDai), khai thác xa bờ (Xabo), số lao động làm việc trên tàu (Ldong), số ngày trong một chuyến (Ngay), số

chuyển đi biển trong một năm (LnChuyen) và bán sản phẩm tại cảng Thọ Quang (CangTQ) do có hiện tượng đa cộng tuyến với hoạt động khai thác xa bờ. Sau đó, chúng tôi thực hiện kiểm định Remsay RESET cho thấy, hệ số α của mô hình (1) và (2) lần lượt là $0,8520 > 0,05$ và $0,6992 > 0,05$, điều này cho thấy mô hình nghiên cứu là phù hợp và không thiếu biến quan trọng. Tiếp theo kiểm định Breusch-Pagan-Godfrey để kiểm tra phương sai sai số thay đổi và cả hai mô hình đều đảm bảo. Kết quả này, cho phép chúng tôi ước lượng bằng phương pháp bình phương bé nhất (OLS) về các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập hộ gia đình ngư dân quận Sơn Trà, với kết quả được trình bày ở bảng 2.

Bảng 2. Các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập hộ gia đình ngư dân quận Sơn Trà

Biến	Ký hiệu biến	LnTongTN (1)	LnTNKTTS (2)	VIF
Đặc điểm nhân khẩu học	LnTuoi	0,027 (0,786)	0,014 (0,894)	1,948
	LnHV	-0,041 (0,622)	-0,017 (0,847)	1,308
	lnNK	0,030 (0,735)	-0,057 (0,552)	1,501
	SoLDh	0,202** (0,034)	-0,183* (0,072)	1,686
	SLDTS	-0,063 (0,470)	0,161* (0,087)	1,437
Đặc trưng nghề ngư nghiệp	Sotau	0,270*** (0,001)	0,391*** (0,000)	1,283
	LnCS	0,222* (0,089)	0,085 (0,540)	3,178
	LogKN	0,035 (0,727)	-0,038 (0,725)	1,916
	Sluong	0,260** (0,022)	0,194 (0,108)	2,386
	Danghe	-0,053 (0,493)	-0,112 (0,177)	1,140
	Ynghe	0,007 (0,923)	0,036 (0,666)	1,130
	Cnghe	0,316*** (0,002)	0,353*** (0,001)	1,922
Chính sách	Vaitro	-0,151* (0,093)	-0,103 (0,283)	1,518
	DVHC	0,014 (0,864)	0,057 (0,505)	1,219
	CSPT1	-0,154* (0,082)	-0,112 (0,235)	1,456
	CSPT2	0,150* (0,052)	-0,086 (0,293)	1,100
Nguồn lợi	NL	0,070 (0,349)	0,056 (0,482)	1,069
Hằng số		3,859	4,123	

N	120	120	
R ²	0,510	0,438	
Remsey Reset test	0,8520	0,6992	
Heteroscedasticity	0,4488	0,5095	

(Nguồn: Xử lý từ kết quả điều tra, 2022)

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, số lao động của hộ gia đình có ảnh hưởng đến tổng thu nhập của hộ gia đình ngư dân quận Sơn Trà. Theo đó, hộ gia đình có nhiều lao động hơn thì sẽ có thu nhập cao hơn một cách tương đối. Kết quả ở mô hình thu nhập từ hoạt động ngư nghiệp cũng cho kết quả tương tự khi hộ gia đình có số lao động làm nghề ngư cao hơn thì thu nhập từ ngư nghiệp cũng cao hơn. Ngược lại, các nhân tố về độ tuổi của chủ hộ, học vấn (ngư dân là lao động chính) và số nhân khẩu của hộ gia đình không có ảnh hưởng ý nghĩa thống kê lên thu nhập của hộ gia đình ngư dân trên địa bàn quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Kết quả ước lượng cho thấy, đặc trưng nghề ngư có ảnh hưởng ý nghĩa rất lớn đến thu nhập của hộ gia đình, đặc biệt là thu nhập từ hoạt động ngư nghiệp. Theo đó, những hộ gia đình sở hữu nhiều hơn một phương tiện khai thác thì có thu nhập cao hơn một cách tương đối. Điều này là phù hợp với thực tiễn khi hộ gia đình có quy mô sản xuất lớn hơn thì thu nhập có khả năng cao hơn. Tương tự, công suất phương tiện cũng có ảnh hưởng ý nghĩa đối với thu nhập của hộ gia đình ngư dân, tuy nhiên đối với mô hình thu nhập từ hoạt động ngư nghiệp khi được tách hỗ trợ dầu thì công suất phương tiện không còn ảnh hưởng ý nghĩa. Điều này hàm ý rằng, các phương tiện có công suất lớn hơn có đóng góp ý nghĩa vào thu nhập hộ gia đình khi ngư dân nhân được hỗ trợ dầu. Điều này cũng phù hợp với thực tiễn khi các chính sách hỗ trợ dầu theo quyết định 48/QĐ-TTg giúp cho các phương tiện có công suất lớn vươn khơi, bám biển. Kết quả này cho thấy được, ngư dân có thu nhập cao hay thấp không phải do công suất phương tiện quyết định. Ngược lại, sản lượng khai thác có ảnh hưởng không lớn đến thu nhập của hộ gia đình ngư dân, kết quả ước lượng cho thấy đối với mô hình tổng thu nhập thì có ý nghĩa $\alpha < 0,05$, nhưng đối với mô hình chỉ dành cho thu nhập từ hoạt động ngư nghiệp thì $\alpha > 0,10$.

Công nghệ khai thác được đo lường bởi các yếu tố như là chất lượng máy móc, tàu thuyền; chất lượng ngư, lưới cụ; kỹ thuật, phương pháp khai thác và công nghệ bảo quản. Thật đặc biệt, kết quả ước lượng cho thấy công nghệ có ảnh hưởng rất tích cực lên thu nhập từ hoạt động ngư nghiệp của ngư dân, qua đó ảnh hưởng lên tổng thu nhập của hộ gia đình ngư dân. Đặc biệt, hệ số β_j của cả hai mô hình là rất cao, điều này chứng tỏ được vai trò của công nghệ đối với phát triển ngành thủy sản nói chung và nâng cao thu nhập của hộ gia đình ngư dân nói riêng. Ngược lại, kết quả ước lượng cũng không tìm thấy ảnh hưởng ý nghĩa của nhân tố kinh nghiệm ngư dân, lòng yêu nghề và phương tiện hoạt động đa nghề lên thu nhập của hộ gia đình. Điều này hàm ý rằng, để nâng cao hiệu quả hoạt động ngư nghiệp, thu nhập của hộ gia đình ngư dân phải dựa vào nền tảng đổi mới, ứng dụng công nghệ, kỹ thuật khai thác mới, hiện đại chứ không phải dựa vào chủ nghĩa kinh nghiệm, lòng yêu nghề của ngư dân.

Kết quả ước lượng cũng chỉ ra một số điều khá thú vị về chính sách phát triển ngư nghiệp ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình ngư dân. Theo đó, biến vai trò của cán bộ, cơ quan (Vaitro) có ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình ở mức ý nghĩa 10%, tuy nhiên là ảnh hưởng ngược với tổng thu nhập của hộ và không có ảnh hưởng đến thu nhập từ hoạt động ngư nghiệp. Kết quả này phản ánh rằng, lực lượng kiểm ngư, biên phòng, chi cục thủy sản và các hoạt động cứu hộ, cứu nạn chưa thực sự giúp cho ngư dân quận Sơn Trà cải thiện thu nhập.

Để phân tích vai trò của chính sách chúng tôi thực hiện phân tích nhân tố khám phá và kết quả được chia thành hai nhóm chính sách gồm CSPT1 (hỗ trợ đóng mới tàu thuyền; hỗ trợ

mua bảo hiểm thân tàu; hỗ trợ mua bảo hiểm thuyền viên), CSPT2 (hỗ trợ cải hoán tàu thuyền; hỗ trợ đầu tư máy móc, công nghệ; hỗ trợ nhiên liệu). Kết quả ước lượng về ảnh hưởng của chính sách phát triển ngư nghiệp là rất thú vị và có ý nghĩa thống kê (ở mức ý nghĩa 10%) đối với tổng thu nhập của hộ gia đình. Theo đó, các chính sách thuộc về hỗ trợ đóng mới phương tiện khai thác, bảo hiểm thân tàu và bảo hiểm thuyền viên lại có tác động âm đối với thu nhập của hộ gia đình. Điều này là phù hợp với thực tiễn là ngư dân được hỗ trợ đóng mới phải trả lãi vay và phải đóng thêm phần bảo hiểm còn lại cho phương tiện khai thác, chính vì vậy làm giảm thu nhập của hộ gia đình. Biến chính sách còn lại thì có tác động tích cực đến thu nhập của hộ gia đình ở mức ý nghĩa 10%. Đó là vai trò của các chính sách hỗ trợ máy móc, thiết bị; chính sách cải hoán phương tiện lại có ảnh hưởng ý nghĩa lên thu nhập của hộ gia đình. Kết quả này cũng phù hợp với kết quả ước lượng về công nghệ, máy móc thiết bị có ảnh hưởng rất tích cực đến thu nhập của hộ gia đình. Ngược lại, các yếu tố thuộc về dịch vụ hậu cần (DVHC được đo lường bởi các yếu tố Cơ sở hạ tầng cầu cảng cá, bến cá; Dịch vụ bốc xếp hải sản khi cập cảng; Dịch vụ sửa chữa tàu cá; Tàu hậu cần thu mua) không có ảnh hưởng ý nghĩa lên thu nhập của hộ gia đình. Tuy nhiên, cũng khá thú vị khi được tách các khoản thu nhập từ chính sách hỗ trợ cho ngư dân thì các chính sách lại không có ảnh hưởng ý nghĩa lên thu nhập của hộ gia đình ngư dân. Điều này hàm ý, rằng các chính sách hiện nay cho phát triển ngư nghiệp đã góp phần quan trọng cho việc nâng cao thu nhập, phát triển ngành thủy sản ở quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Cuối cùng, nhân tố nguồn lợi thủy sản (được đo lường bởi sản lượng thủy sản, số loài thủy sản, kích cỡ thủy sản, các nguồn lợi khác là tăng hay giảm so với 5 năm trước đây) chưa có ảnh hưởng ý nghĩa lên thu nhập ngư nghiệp và qua đó chưa có ảnh hưởng ý nghĩa lên tổng thu nhập của hộ gia đình. Thực tiễn kết quả khảo sát cho thấy, có đến 92,8% ngư dân cho rằng sản lượng khai thác giảm, 84,7% ngư dân cho rằng số loài thủy sản giảm, 80% ngư dân cho rằng kích cỡ thủy sản giảm và 90,1% cho rằng nguồn lợi khác cũng giảm. Chính vì vậy, không có sự khác biệt lớn về nguồn lợi thủy sản trong việc đóng góp vào thu nhập của hộ gia đình ngư dân. Hay nói cách khác nguồn lợi thủy sản ở tất cả ngư trường gần bờ, xa bờ đều suy giảm, điều này ảnh hưởng đến việc suy giảm hiệu quả khai thác và thu nhập của tất cả ngư dân ở quận Sơn Trà hơn là tạo ra sự khác biệt nguồn lợi giữa các ngư trường khai thác.

4. Kết luận và hàm ý chính sách

Sử dụng mô hình OLS để ước lượng các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập hộ gia đình ngư dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Kết quả ước lượng chỉ ra rằng, thu nhập của hộ gia đình ngư dân chịu ảnh hưởng ý nghĩa của nhiều nhân tố là số lao động của hộ, số lao động ngư nghiệp, số phương tiện sở hữu, công suất phương tiện, sản lượng, công nghệ khai thác, chính sách lên thu nhập của hộ gia đình. Ngược lại, nghiên cứu cũng chưa tìm thấy ảnh hưởng ý nghĩa của các yếu tố liên quan đến đặc điểm nhân khẩu học của ngư dân (chủ hộ), kinh nghiệm, lòng yêu nghề, phương tiện hoạt động đa nghề và nguồn lợi thủy sản lên thu nhập của hộ gia đình. Điều này cho thấy được vai trò của khoa học công nghệ, chính sách đối với phát triển hoạt động ngư nghiệp của cộng đồng ngư dân ven biển là rất quan trọng. Chủ nghĩa kinh nghiệm không còn là yếu tố quan trọng cho việc nâng cao hiệu quả sản xuất, cải thiện thu nhập của hộ ngư dân mà phải dựa và đổi mới công nghệ, trang thiết bị sản xuất. Với kết quả này cho phép chúng tôi gợi mở một số hàm ý chính sách sau:

Đổi mới và nâng cao chất lượng công nghệ khai thác, ngư lưới cụ khai thác, công nghệ bảo quản, máy móc, thiết bị là hướng đi quan trọng để nâng cao sinh kế và cải thiện thu nhập và phát triển bền vững ngành thủy sản quận Sơn Trà. Đặc biệt, hiện nay có rất nhiều công nghệ, máy móc thiết bị mới, hiện đại giúp cho nâng cao hiệu quả sản xuất của ngư dân như

máy dò 360°, máy định vị - hải đồ, hệ thống đèn led, kỹ thuật khai thác mới, hệ thống bảo quản Nitơ, PU, máy móc thu thả lưới,... Do đó, ngoài chính sách hỗ trợ của Nhà nước, ngư dân cần chủ động đổi mới công nghệ, kỹ thuật khai thác để nâng cao hiệu quả sản xuất, qua đó thúc đẩy phát triển bền vững ngành thủy sản. Cần có sự hỗ trợ và khuyến khích của nhà nước, nhất là các gói hỗ trợ tín dụng cho ngư dân trong hiện đại hóa công nghệ đánh bắt, thay vì quá tập trung vào cho vay nâng cao công suất máy và đóng tàu lớn.

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển ngành thủy sản trên địa bàn quận Sơn Trà. Đặc biệt, tiếp tục triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ xăng dầu, hỗ trợ cải hoán tàu thuyền, hỗ trợ máy móc thiết bị ngư nghiệp cho ngư dân. Thực hiện tốt các chính sách này sẽ giúp cho ngư dân tiếp tục bám biển phát triển sản xuất, qua đó góp phần thúc đẩy sự hiện diện của ngư dân trên các vùng biển của tổ quốc, khẳng định chủ quyền biển đảo.

Khuyến khích ngư dân đổi mới mô hình sản xuất nâng cao công suất phương tiện, cải hoán và nâng cấp các phương tiện khai thác. Đặc biệt, việc sở hữu nhiều phương tiện hơn, sở hữu phương tiện có công suất lớn hơn thì sẽ giúp cho việc cải thiện thu nhập hộ gia đình ngư dân. Bên cạnh phát triển quy mô tàu thuyền công suất lớn cần có các chính sách hỗ trợ phát triển lực lượng lao động trên các phương tiện khai thác. Vấn đề này đang đặt ra đối với các phương tiện khai thác lớn hiện nay trên địa bàn quận Sơn Trà.

Tài liệu tham khảo

- Olale, E., & Henson, S. (2012). Determinants of income diversification among fishing communities in Western Kenya. *Fisheries Research*, 125, 235-242.
- Olale, E., & Henson, S. (2013). The impact of income diversification among fishing communities in Western Kenya. *Food Policy*, 43, 90-99.
- Sujithkumar, P. S. (2008). Income Diversification in Rural Households: Measurement and Determinants. *The IUP Journal of Agricultural Economics*, (3), 63-71.
- Al Jabri, O. M. A. R., Collins, R., Sun, X., Omezzine, A., Belwal, R. (2013). Determinants of Small-scale Fishermen's Income on Oman's Batinah Coast. *Marine Fisheries Review*, 75, 3, 21-32.
- Garoma, D., Admassie, A., Ayele, G., & Beyene, F. (2013). Analysis of determinants of gross margin income generated through fishing activity to rural households around Lake Ziway and Langano in Ethiopia. *Agricultural Sciences*, 4(11), 595.
- Hoàng Hồng Hiệp (2016). Nghiên cứu những nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ ngư dân khai thác hải sản xa bờ vùng Duyên hải Nam Trung Bộ: một tiếp cận thực nghiệm. Hội thảo khoa học Phát triển nông nghiệp bền vững ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, Tháng 6/2016.
- Hoàng Hồng Hiệp, Nguyễn Thị Hà (2022). Thu nhập của các hộ ngư dân khai thác hải sản xa bờ vùng Bắc Trung Bộ: một tiếp cận thực nghiệm. *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung*, số 1.
- Châu Ngọc Hòe, Hồ Thị Kim Thùy. (2018). Nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập hộ gia đình nông thôn ven biển huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung*.
- Châu Ngọc Hòe, Nguyễn Hoàng Yến. (2019). Nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập hộ gia đình nuôi trồng thủy sản ven biển huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung*.
- Châu Ngọc Hòe. (2017). Nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập hộ gia đình miền núi huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung*.
- Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng (2021). *Niên giám thống kê thành phố Đà Nẵng 2021*. Nxb Thống kê.